DỰ ÁN VNSAT – CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG
NHẬP KHẨU LÚA GẠO CỦA VIỆT NAM
THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

Hà Nội, 2018

1. Thị trường Trung Quốc

1.1. Tổng quan về Trung Quốc

1.1.1. Các thông tin cơ bản

Tên chính thức: Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, ***Thủ đô***: Bắc Kinh

Diện tích: 9.596.961 km^2, đứng thứ 3 thế giới sau Nga và Canada

Dân số: 1,386 tỷ người (2017). Trung Quốc hiện là quốc gia đông dân nhất thế giới, với 55 dân tộc. Trong đó, dân tộc Hán là chủ yếu (chiếm 94% dân số)

Ngôn ngữ chính: tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Quảng Đông

Tôn giáo: Đạo giáo, Phật giáo (11-16%), Thiên chúa giáo (3-4%), Hồi giáo (1-2%)

Đơn vị tiền tệ: Đồng nhân dân tệ (RMB), 1 USD = 6.92 RMB (tháng 11/2018)

Múi giờ: năm tại Đông Á, múi giờ GMT +8 (lệch 1 tiếng so với Việt Nam)

Biên giới: có đường biên giới trên bộ với 14 quốc gia: Việt Nam, Lào, Myanmar, Ấn Độ, Bhutan, Nepal, Pakistan, Afghanistan, Tajikistan, Kyrgyzstan, Kazakhstan, Nga, Mông Cổ, Triều Tiên và đường biên giới biển với: Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines.

Đặc điểm tự nhiên: là nước có diện tích lớn nên địa hình tự nhiên của Trung Quốc củng ất đa dạng. Tại phía đông, dọc theo bờ biển Hoàng Hải và biển Hoa Đông, có các đồng bằng phù sa rộng và dân cư đông đúc, trong khi các thảo nguyên rộng lớn chiếm ưu thế ở rìa của cao nguyên nguyên Nội Mông. Đồi và các dãy núi thấp chi phối địa hình tại Hoa Nam, trong khi miền trung-đông có những châu thổ của hai sông lớn nhất Trung Quốc là Hoàng Hà và Trường Giang. Ở phía Bắc có các cảnh quan khô hạn, như sa mạc Gobi và sa mạc Taklamakan. Trung Quốc thuộc khu vực gió mùa, khí hậu đa dạng từ ấm đến khô. Nhiệt độ trung bình toàn quốc tháng 1 là -4,7ºC, tháng 7 là 26ºC. Ba khu vực được coi là nóng nhất là Nam Kinh, Vũ Hán, Trùng Khánh.

Thể chế chính trị: Theo Hiến pháp Trung Quốc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là một nước xã hội chủ nghĩa của nền chuyên chính nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy liên minh công nông làm nền tảng. Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ cơ bản của Trung Quốc. Chuyên chính nhân dân là thể chế của nhà nước.

Ngày nghỉ, lễ tết: Tết dương lịch nghỉ 1 ngày, tết âm lịch nghỉ 7 ngày, tết Thanh minh nghỉ 3 ngày, Quốc tế Lao động (1/5) nghỉ 3 ngày, tết Đoan Ngọ nghỉ 3 ngày, tết Trung Thu nghỉ 3 ngày, Quốc Khánh (1/10) nghỉ 7 ngày.

1.1.2. Tình hình kinh tế

Sau gần 40 năm thực hiện cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thu được những thành tựu to lớn, vươn lên trở thành nền kinh tế thứ 2 thế giới, chỉ sau Mỹ. Từ năm 1979 đến 2005, GDP bình quân hàng năm của Trung Quốc tăng trên 9,4%, đạt mức cao kỉ lục trên thế giới.

Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất trên thế giới và và một trong những nước sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nhiều nhất. Bên cạnh nền nông nghiệp phát triển, đủ để tự cung tự cấp cho hơn 1 tỷ dân, Trung Quốc còn là nước có nền sản xuất công nghiệp hiện đại đứng thứ 4 thế giới. Hiện nay, Trung Quốc đứng đầu thế giới về 35 loại sản phẩm công nghiệp như: máy thu hình màu, máy giặt, tủ lạnh, điều hoà nhiệt độ, máy tính, máy điện thoại kỹ thuật số, lò vi sóng, VCD, điện thoại di động, xe máy, linh kiện máy tính, tơ lụa, trang phục… với hơn 40 loại sản phẩm có sản lượng chiếm trên 50% tổng sản lượng thế giới. Các toại hàng hoá này đều chiếm ưu thế trên thế giới về số lượng tuyệt đối hay về giá cả. Với diện tích lớn thứ 3 thế giới, Trung Quốc còn có các nguồn tài nguyên với trữ lượng lớn như dầu mỏ, khí đốt, quặng sắt, bô xít, thiếc, thủy điện,… Do có địa hình đa dạng và nền văn hóa lâu đời, Trung Quốc còn là một điểm đến du lịch hấp dẫn trên thế giới, chiếm gần 34% tổng số khách du lịch đến châu Á. Trong thập kỷ tới, Trung Quốc có thể sẽ trở thành nước có ngành du lịch lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Mỹ

Hình 1: Cơ cấu GDP theo ngành của Trung Quốc năm 2017

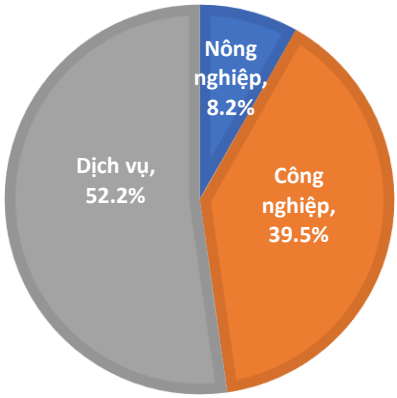

Hình 2: Phân bố lao động theo ngành của Trung Quốc năm 2017

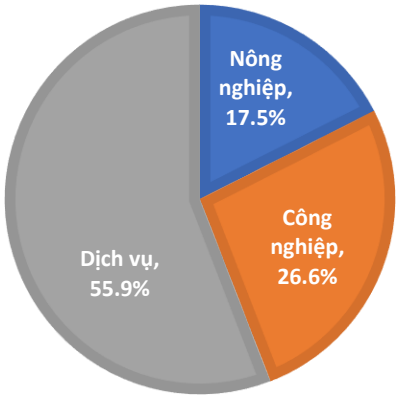

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

Bảng 1: Tổng quan kinh tế Trung Quốc giai đoạn 2015-2017

	2015	**2016**	**2017**
GDP	19,8 nghìn tỷ USD	21,4 nghìn tỷ USD	23,3 nghìn tỷ USD

Tăng trưởng GDP	6,9%	6,7%	6,9%
GDP theo đầu người	14.540 USD	15.530 USD	16.806 USD
Tỷ lệ lạm phát	1,44%	2%	1,59%
Sản phẩm nông nghiệp	Gạo, lúa mì, khoai tây, ngũ cốc, đậu phộng, trà, hạt kê, lúa mạch, táo, bông, sò, thịt lợn, cá.		
Công nghiệp	Khai khoáng, sắt, thép, aluminum và các kim loại khác, than đá; sản xuất máy móc; vũ khí quân sự; than, dệt may, đồ thêu; dầu mỏ; xi măng; hóa chất; phân bón; sản phẩm tiêu dùng (bao gồm giày dép, đồ chơi, và điện tử…); thực phẩm chế biến; thiết bị vận chuyển (bao gồm ô tô, xe ô tô đường sắt, đầu máy xe lửa, tàu, và máy bay…); thiết bị viễn thông, xe không gian khởi động thương mại, vệ tinh.		
Kim ngạch nhập khẩu	2 nghìn tỷ USD	1,9 nghìn tỷ USD	2,2 nghìn tỷ USD
Mặt hàng nhập khẩu chính	Điện và các máy móc, dầu và nhiên liệu khoáng sản, thiết bị quang học và y tế, quặng kim loại, nhựa, hoá chất hữu cơ		
Đối tác nhập khẩu 2017	Hàn Quốc (10%); Nhật Bản (9%); Mỹ (8,4%); Đức (5,3%); Úc (5,2%); Brazil (3,2%); Malaysia (3%); Việt Nam (2,7%); Thái Lan (2,3%)		
Kim ngạch xuất khẩu	2,36 nghìn tỷ USD	2,2 nghìn tỷ USD	2,4 nghìn tỷ USD
Mặt hàng xuất khẩu chính	Mmáy móc thiết bị (bao gồm xử lý dữ liệu, may mặc, thiết bị cầm tay, điện thoại vô tuyến, dệt may, mạch tích hợp		
Đối tác xuất khẩu 2017	Mỹ (19%); Hồng Kông (12%); Nhật Bản (6%); Hàn Quốc (4,5%); Việt Nam (3,2%); Đức (3,1%); Ấn Độ (3%); Hà Lan (3%); Anh (2,5%); Singapore (2%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

1.1.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam

- Quan hệ chính trị: Từ khi bình thường hóa quan hệ năm 1991 đến nay, về tổng thể, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc khôi phục nhanh, phát triển mạnh. Năm 2008, hai nước

thiết lập quan hệ "đối tác hợp tác chiến lược toàn diện". Tiếp xúc cấp cao được duy trì với nhiều hình thức, góp phần tăng cường tin cậy chính trị, thúc đẩy hợp tác, tạo điều kiện để hai bên từng bước giải quyết tranh chấp, bất đồng. Hai nước đã ký nhiều hiệp định và văn kiện hợp tác, đặt cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác lâu dài.

- **Quan hệ kinh tế - thương mại và đầu tư**: Kể từ khi bình thường hóa quan hệ, kim ngạch thương mại Việt - Trung tăng hơn 1.800 lần, từ 32 triệu USD (1991) lên gần 60 tỷ USD (2014), từ năm 2004, Trung Quốc là bạn hàng thương mại lớn nhất của Việt Nam. Về đầu tư, tính lũy kế đến hết tháng 02/2015, Trung Quốc có 1109 dự án tại Việt Nam, tổng vốn đăng ký 7,99 tỷ USD, đứng thứ 9/101 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Nhằm tăng cường các dự án đầu tư lớn về cơ sở hạ tầng và hợp tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nhất là hợp tác trong việc phòng ngừa tác động của khủng hoảng tài chính tiền tệ quốc tế, giữ vững an ninh tiền tệ ở mỗi nước, hai bên đang thúc đẩy thành lập Nhóm công tác hợp tác về cơ sở hạ tầng và Nhóm công tác về hợp tác tiền tệ.

- **Quan hệ hợp tác giáo dục, văn hoá, thể thao và du lịch:**

+ Về giáo dục: hiện có hơn 13.500 lưu học sinh Việt Nam đang học tại Trung Quốc và khoảng trên 4.000 học sinh Trung Quốc đang du học tại Việt Nam.

+ Về văn hóa, thể thao: hàng năm, hai bên trao đổi nhiều đoàn biểu diễn nghệ thuật, giao lưu văn hoá - thể thao, góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Hai bên cũng đã triển khai thực hiện hiệu quả "Thoả thuận về hợp tác Thể dục thể thao"; Trung Quốc giúp Việt Nam trong việc huấn luyện và đào tạo vận động viên tài năng.

+ Về du lịch: nhiều năm qua, du khách Trung Quốc luôn đứng đầu trong thị trường khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (năm 2014 là 1,95 triệu lượt người) trong khi có khoảng một triệu lượt người Việt Nam đi Trung Quốc du lịch.

- **Về biên giới lãnh thổ**: Sau khi bình thường hoá quan hệ, hai bên đã ký Thoả thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ (1993) và tiến hành đàm phán về 3 vấn đề: biên giới trên đất liền, phân định Vịnh Bắc Bộ và vấn đề Biển Đông. Đến nay, hai trong ba vấn đề do lịch sử để lại này đã được giải

1.2. Nhu cầu tiêu dùng gạo của Trung Quốc

Trung Quốc là nước sản xuất gạo lớn nhất thế giới. Trong 10 năm qua, sản lượng gạo của Trung Quốc luôn đạt trên 120 triệu tấn, dư thừa để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng gạo cả nước. Tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2008-2017, của sản xuất và tiêu dùng gạo Trung Quốc, đều ở mức thấp, khoảng 0-3%. Nguyên nhân chính do dân số Trung Quốc

duy trì khá ổn định trong giai đoạn đoạn này. Năm 2017, tốc độ tăng trưởng của dân số của Trung Quốc chỉ đạt khoảng 0,559%.

Tuy sản xuất và tiêu dùng gần như không đổi, dự trữ gạo của Trung Quốc lại liên tục tăng trong giai đoạn 2008-2017, với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 11,2%. Năm 2017, tổng dự trữ gạo của Trung Quốc đạt 98 triệu tấn, là kho dự trữ gạo lớn nhất thế giới. Ước tính khối lượng gạo dự trữ của Trung Quốc có thể cung cấp cho cả nước này trong vòng 9 tháng, cao hơn mức dữ trữ tiêu chuẩn nước này cũng như các nước láng giềng nhiều lần.

Hình 3: Sản lượng, tiêu dùng nội địa và dự trữ gạo của Trung Quốc, trong giai đoạn 2008-2017 (đơn vị: nghìn tấn)

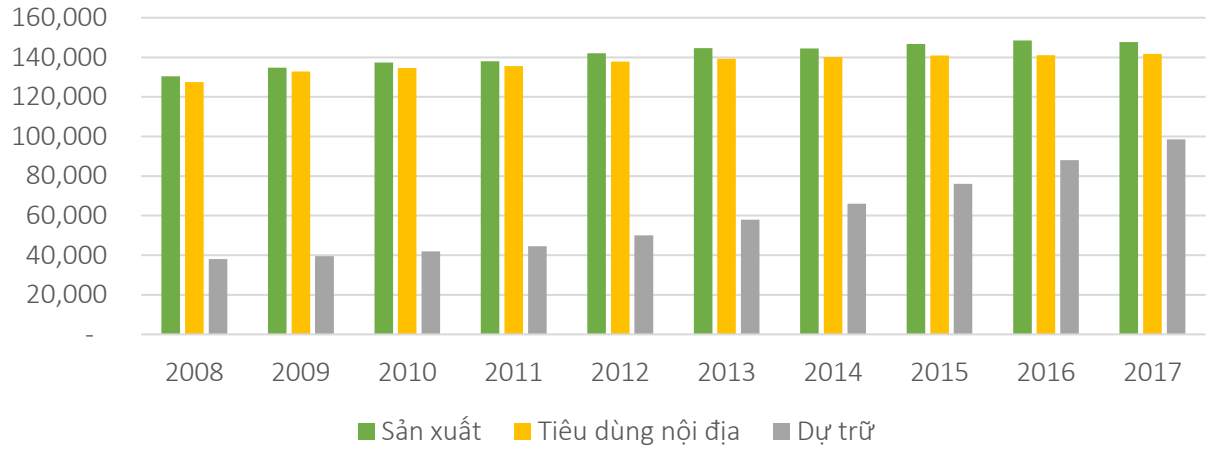

Nguồn: USDA

Không chỉ là nước sản xuất gạo lớn nhất thế giới, Trung Quốc còn là nước nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới trong năm 2017, với tổng nhập khẩu đạt 5,9 triệu tấn.

Hình 4: Xuất nhập khẩu gạo của Trung Quốc, trong giai đoạn 2008-2017 (đơn vị: nghìn tấn)

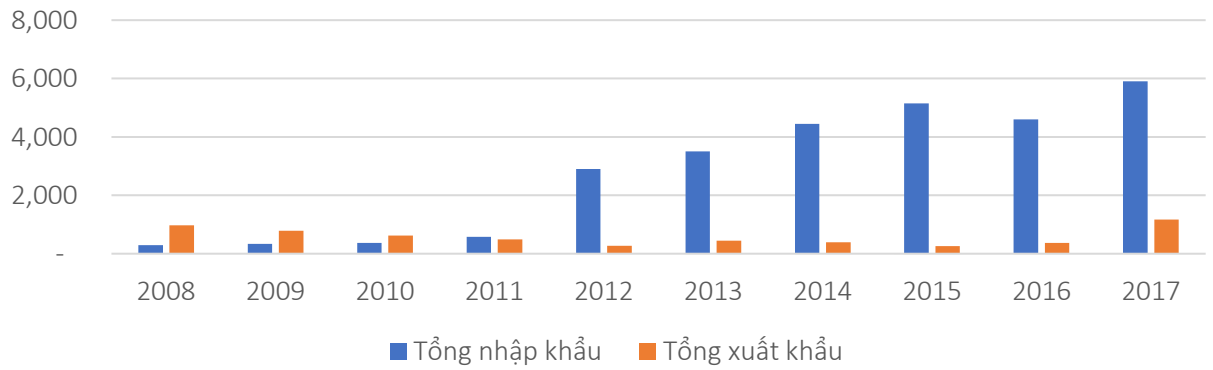

Nguồn: USDA

Nhập khẩu gạo của Trung Quốc đã tăng mạnh kể từ sau năm 2012, khi nước này áp giá mua tối thiểu cho gạo. Chính sách đã giúp giá bán lúa gạo của nông dân tăng đến 18% nhưng cũng đồng thời đẩy giá gạo trong nước tăng cao. Đây cũng là một lý do khiến lượng gạo dữ trự/tồn kho của nước này tăng cao kể từ năm 2012. Từ năm 2017, Trung Quốc đã bắt đầu phải xả bớt gạo tồn kho thông qua xuất khẩu sang châu Phi. Nếu Trung Quốc đẩy mạnh việc xả gạo tồn kho, hiện đang ở mức cao kỷ lục, thì nước này có thể trở thành một đối thủ cạnh tranh lớn tại thị trường châu Phi.

1.3. Tổng quan về thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc

1.3.1. Tình hình xuất nhập giữa Việt Nam và Trung Quốc

Kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc năm 2017 đạt 35,46 tỷ USD, tăng 61,49%. Các mặt hàng có kim ngạch lớn và tăng trưởng cao trong năm 2017 tập trung ở nhóm điện tử, công nghệ như: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt trên 6,86 tỷ USD, tăng 69,04%); điện thoại và linh kiện (đạt 7,15 USD, tăng 793,8%); máy ảnh, máy quay và linh kiện (đạt 2,08 tỷ USD, tăng 25,8%), ... Ngoài ra, mặt hàng rau quả và thủy sản cũng có sự tăng trưởng mạnh, lần lượt đạt trên 2,65 tỷ USD (tăng 52,4%) và 1,09 tỷ USD (tăng 59,4%).

Hình 5: Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc, trong giai đoạn 2013-2017 (đơn vị: triệu USD)

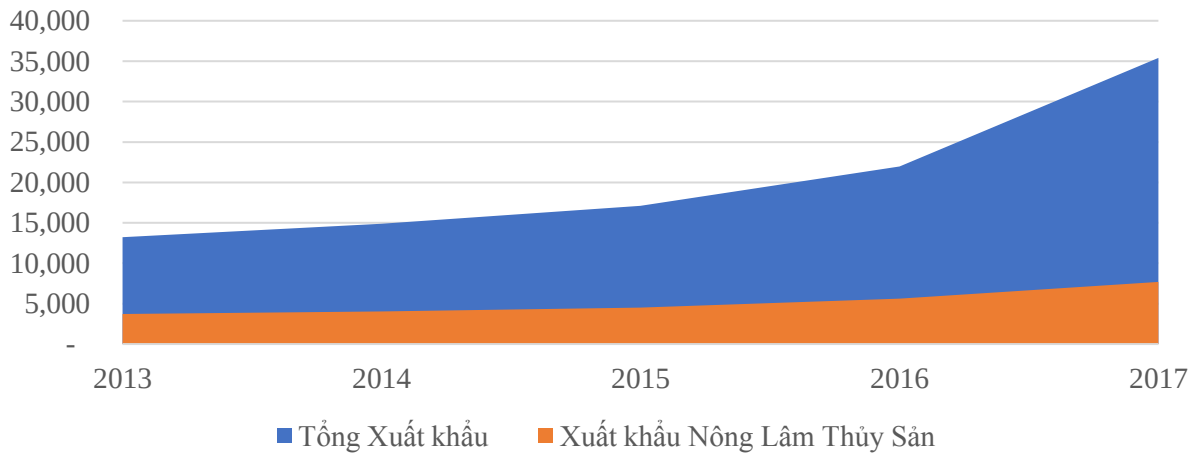

Nguồn: Trademap và Tổng cục Hải quan

Xu hướng xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc là tích cực trong những năm gần đây. Do Trung Quốc thực sự có nhu cầu và hàng nông sản Việt Nam có chất lượng khá tốt, giá cả hợp lý nên thu hút được doanh nghiệp Trung Quốc thu mua và được người tiêu dùng Trung Quốc ưa chuộng. Nhập khẩu nông sản, thủy sản phục vụ sản xuất và tiêu dùng tăng đã tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu nông sản, thủy

sản của Việt Nam sang thị trường này, đặc biệt là cá tra, tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng), trái cây tươi (thanh long, dưa hấu, xoài, chuối), gạo, cà phê, điều, cao su, tiêu.

Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc năm 2017 là 58,23 tỷ USD, tăng 16,41% so với 2016. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc trong năm 2017 đã có sự sụt giảm đáng kể so với các năm gần đây, trong khi đó tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc có sự tăng trưởng tốt. Kết quả này đã góp phần làm giảm đáng kể nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc trong khi quy mô thương mại ngày càng được mở rộng. Năm 2017, nhập siêu của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc đạt 22,76 tỷ USD, giảm 18,86% so với năm 2016.

1.3.2. Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Trung Quốc

Về mặt hàng gạo, Trung Quốc hiện là thị trường nhập khẩu gạo nhiều nhất của Việt Nam. Năm 2012, nhu cầu nhập khẩu gạo của Trung Quốc bắt đầu tăng mạnh, do nước này thực hiện chính sách hỗ trợ giá mua cho nông dân, khiến giá gạo nước này tăng đáng kể. Do đó, bắt đầu từ năm 2012, lượng gạo Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam bắt đầu tăng mạnh và duy trì khá ổn định trong 6 năm trở lại đây, chỉ trừ năm 2016.

Hình 6: Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Trung Quốc, trong giai đoạn 2010-2017

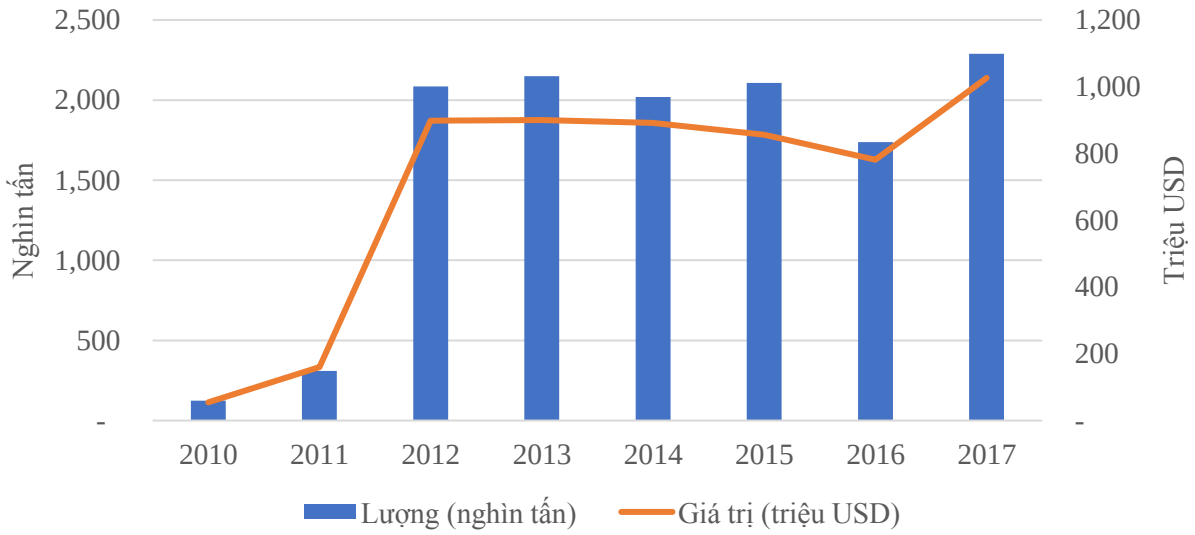

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Năm 2016, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Trung Quốc sụt giảm đáng kể do Thái Lan xả lượng lớn gạo tồn kho, khiến gạo Việt Nam khó cạnh tranh được về giá. Tuy nhiên, đến năm 2017, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Trung Quốc đã phục hồi trở lại, với kim ngạch đạt 2,29 triệu tấn, trị giá đạt trên 1,026 tỷ USD, tăng 31,8% về lượng và 31,3% về trị giá so với năm 2016, tăng 8,6% về lượng và 19,9% về giá trị so với năm 2015.

Các đối tác nhập khẩu gạo chính của Trung Quốc là Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, Pakistan. Trong đó, Việt Nam là đối tác nhập khẩu gạo lớn nhất của Trung Quốc, với thị phần luôn đạt khoảng 50% trong 7 năm trở lại đây.

Hình 7: Thị phần gạo xuất khẩu sang Trung Quốc, trong giai đoạn 2010-2017

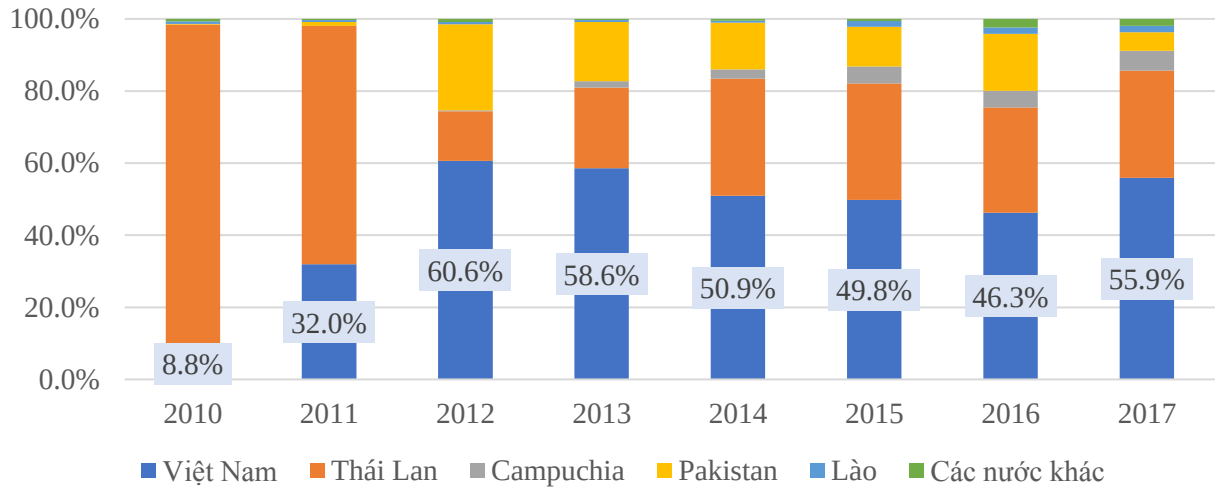

Nguồn: Trademap